

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/HSST

Ngày 03/4/2025.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM. THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cồ Khắc Đàm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Hoàng Anh

2. Ông Vũ Minh Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hiến, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hà T, sinh năm 1995 tại Hải Dương; Giới tính: Nữ; Nơi cư trú: Căn hộ P Tòa S Khu đô thị V, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên bố: Nguyễn Ngọc T1 (đã chết); Họ tên mẹ: Nguyễn Lê H; Bị cáo có chồng là Trần Bảo T2, sinh năm 1987; Có 02 con, con lớn sinh năm 2003 và con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không có. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Lê H, sinh năm 1969 tại Hải Dương; Giới tính: Nữ; Nơi cư trú: Tập thể Q, phường Q, quận H, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay: Căn hộ P Tòa S Khu đô thị V, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên bố: Nguyễn Trọng Đ (đã chết); Họ tên mẹ: Bùi Thị T3 (đã chết); Bị cáo có

chồng là Nguyễn Ngọc B (đã chết); Có 02 con, con lớn sinh năm 1991 và con nhỏ sinh năm 1987; Tiền án, tiền sự: Không có. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

3. Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1991 tại Vũng Tàu; Giới tính: Nữ; Nơi cư trú: Căn hộ P Tòa S Khu đô thị V, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên bố: Lê Duy C; Họ tên mẹ: Lê Thị N; Bị cáo có chồng là Đặng Hoàng H1, sinh năm 1991; Có 02 con, con lớn sinh năm 2018 và con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không có. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

4. Trần Bảo T2, sinh năm 1987 tại Nam Định; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Căn hộ P Tòa S Khu đô thị V, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên bố: Trần Văn B1; Họ tên mẹ: Đào Thị Phương M; Bị cáo có vợ là Nguyễn Hà T, sinh năm 1995; Có 02 con, con lớn sinh năm 2003 và con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không có. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

5. Đặng Hoàng H1, sinh năm 1991 tại Hải Dương; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Căn hộ P Tòa S Khu đô thị V, xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên bố: Đặng Quyết T4; Họ tên mẹ: Nguyễn Lê H; Bị cáo có vợ là Lê Thị Ngọc L, sinh năm 1991; Có 02 con, con lớn sinh năm 2018 và con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không có. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

* Bị hại: Chị Vũ Thị H2, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Chùa H, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 21/5/2024 chị Vũ Thị H2, sinh năm: 1997, HKTT: Chùa H, xã T, huyện L, Bắc Giang có đơn trình báo Công an xã K, huyện G thuộc Công an huyện G về việc: Khoảng 10 giờ 19 phút ngày 21/5/2024, tại trung tâm S địa chỉ tại Khu đô thị V, xã K, huyện G, Hà Nội, chị H2 bị Nguyễn Lê H, Nguyễn Hà T

và Lê Thị Ngọc L dùng tay túm tóc, đe dọa đánh để chiếm đoạt số tiền 38.300.000 đồng.

Qua rà soát, truy xét Cơ quan điều tra – Công an huyện G đã xác định làm rõ được Nguyễn Lê H, Nguyễn Hà T và Trần Bảo T2, Lê Thị Ngọc L; Đặng Hoàng H1 đã thực hiện hành vi trên.

Vật chứng thu giữ của chị Vũ Thị H2: 01 USB bên trong chứa 02 đoạn video sự việc xảy ra ngày 21/5/2024 tại trung tâm S địa chỉ tại Khu đô thị V, xã K, huyện G, Hà Nội.

Thu giữ của chị Ngô Thị Hải H3 – sinh năm: 2001 – HKTT: Thôn D, huyện K, Hưng Yên: 01 USB bên trong chứa 01 đoạn video sự việc xảy ra ngày 21/5/2024 tại trung tâm S địa chỉ tại Khu đô thị V, xã K, huyện G, Hà Nội.

Vật chứng thu giữ của Trần Bảo T2: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 pro nắp lưng màu xanh đen đã qua sử dụng lắp sim số 0964052989; 01 xe ô tô nhãn hiệu Vinfast VF8 màu cam, BKS: 30K-412.53 có số khung RLLV1AEB1NV005758, số máy: VFBAJB22B190594VFBAJA22B180681, xe đã qua sử dụng.

Thu giữ của Đặng Hoàng H1: 01 điện thoại XiaoMi 11 cũ đã qua sử dụng bên trong lắp sim số 0382942943; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ đen, BKS: 30N4-3686, xe đã qua sử dụng; 01 đăng ký xe mô tô số 026981 của xe mô tô BKS: 30N4-3686.

Thu giữ của Nguyễn Hà T: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 promax màu xanh đen đã qua sử dụng, trong lắp sim liên lạc số 0986682795.

Thu giữ của Lê Thị Ngọc L: 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi loại Note 11 màu đen, đã qua sử dụng, bên trong lắp sim số 0906700630.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo Nguyễn Lê H, Nguyễn Hà T và Lê Thị Ngọc L, Trần Bảo T2, Đặng Hoàng H1 cùng khai nhận: Ngày 06/5/2024, Trần Bảo T2 cùng vợ Nguyễn Hà T và chị dâu là Lê Thị Ngọc L có đến trung tâm S, địa chỉ tại Khu đô thị V, xã K, huyện G, Hà Nội do Vũ Thị H2 - Sinh năm: 1997 – HKTT: Chùa H, xã T, huyện L, Bắc Giang làm giám đốc để học nghề làm móng có ký hợp đồng đào tạo đến khi thành nghề, cấp chứng chỉ theo quy định. T đã đóng tiền học phí 6.500.000 đồng/1 khóa; L đóng tiền 13.500.000 đồng/1 khóa và T2 đóng tiền 13.500.000 đồng/ 1 khóa với tổng số tiền 33.500.000 đồng, ngoài ra T đã đóng tiền thi chứng chỉ cho cả T, L, T2 tổng cộng 4.800.000 đồng, tổng cộng T, L và T2 đã nộp số tiền 38.300.000 đồng. Trong quá trình học T, L và T2

phản ánh với chị H2 về việc giáo viên giảng dạy không có chuyên môn nên xin nhận lại số tiền học phí đã đóng. Ngày 20/5/2024 chị H2 không đồng ý trả số tiền học phí của L, T, T2 đã nộp và chấm dứt hợp đồng đào tạo vì lý do T, L và T2 lý do vi phạm hợp đồng đã ký kết. Do bức xúc về việc chị H2 cho nghỉ học và không hoàn tiền học phí, T có đăng tin lên mạng facebook về việc Trung tâm S lừa đảo mục đích có sự ủng hộ của nhiều người để gây áp lực cho chị H2. Sáng ngày 21/5/2024 tại cửa hàng B2 tại Tòa nhà S, KĐT V, thuộc xã Đ, huyện G, khi T, L, T2, H1 đang ngồi cùng nhau thì T nói sẽ đến trung tâm S của H2 để đòi tiền học phí thì L, T2, H1 đồng ý tham gia. Cùng lúc đó qua điện thoại nhóm của T kể cho mẹ là Nguyễn Lệ H thì H đồng ý cùng các con đến trung tâm của H2 để đòi tiền 38.300.000 đồng.

Khoảng 10 giờ 20 ngày 21/05/2024, T2 điều khiển xe ô tô vinfast VF8 BKS: 30K-412.53 chở T và H còn H1 điều khiển xe máy BKS: 30N4-3686 chở L. Khi đến trung tâm S, T cùng H vào cửa trước Trung tâm. Cùng lúc đó vợ chồng L - H1 đi vào cửa sau mục đích để không cho H2 bỏ trốn. Khi vào trong trung tâm, H yêu cầu những người có mặt trong trung tâm đi ra ngoài và hô “con H2 đâu ra đây” và L nói: “Nó đây này” rồi chỉ vào H2 đang đứng gần bàn trang điểm. H tiến đến dùng tay giật khẩu trang của H2 và nói: “Mày dám lừa con tao chứ gì”, “mày có trả tiền không? Mày có trả không?”. Chị H2 và H cãi nhau thì H dùng hai tay lôi H2 ra giữa phòng để T, L dùng tay túm tóc, đánh vào đầu, mặt H2 còn T2 đứng chặn ở cửa trước và H1 chặn ở cửa sau cầm điện thoại Xiaomi 11 quay video nhằm đăng tải lên mạng xã hội làm xấu hình ảnh của chị H2 nhưng H1 chưa kịp quay, T2 phát hiện anh Tô Ngọc K – Sinh năm: 1990 – HKTT: Thôn A, xã N, huyện V, Hưng Yên đến can ngăn nên T2 và H đẩy anh K ra ngoài, T2 khua tay về phía mặt anh K gây chấn thương phần mềm vùng mặt để cho T tiếp tục đánh, giật tóc, dùng tập giấy mang theo từ trước đập vào gáy chị H2 bị thương chấn thương phần mềm vùng đầu, gáy còn L dùng tay giật tóc chị H2 và chị Đào Thị H5 – Sinh năm: 1991 – HKTT: Khu đô thị E, huyện V, Hưng Yên (giáo viên tại Trung tâm), H tiếp tục lao đến chỉ vào mặt H2 nói: “mày có trả tiền không”. Sau đó, chị H2 đã gọi báo Công an đến đưa tất cả các đối tượng trên về trụ sở làm rõ.

Lời khai nhận của các bị cáo Nguyễn Hà T, Lê Thị Ngọc L, Nguyễn Lệ H, Trần Bảo T2, Đặng Hoàng H1 phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai bị hại, người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Chị Vũ Thị H2 bị thương tích chấn thương phần mềm vùng đầu, gáy; Anh Tô Ngọc K bị chấn thương phần mềm vùng đầu mặt. Ngày 21/6/2024 Cơ quan CSĐT - Công an huyện G đã ra Quyết định số 2289, 2290 trưng cầu giám định tỷ lệ thương tích của chị H2, anh K. Ngày 25/7/2024, chị H2 và anh K đã có đơn xin từ chối giám định thương tích, từ chối dẫn giải đi giám định thương tích, lý do thương tích đã hồi phục và không yêu cầu đề nghị gì khác.

Chị Đào Thị H5 bị thương tích do bị túm tóc, tát vào mặt. Ngày 11/9/2024 Cơ quan CSĐT - Công an huyện G đã ra Quyết định số 2871 trưng cầu giám định tỷ lệ thương tích của chị Đào Thị H5. Ngày 12/9/2024, chị H5 đã có đơn xin từ chối giám định thương tích và không yêu cầu đề nghị gì khác.

Tại kết luận giám định số 6499/KL-KTHS ngày 12/9/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hà Nội kết luận: không tìm thấy dấu vết cắt ghét, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong File Video gửi giám định (do chị Vũ Thị H2 cung cấp)

Tại kết luận giám định số 1365/KL-KTHS ngày 19/02/2025 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hà Nội kết luận: không tìm thấy dấu vết cắt ghét, chỉnh sửa nội dung hình ảnh trong File Video gửi giám định (do chị Ngô Thị Hải H3 cung cấp)

Đối với việc Nguyễn Hà T đăng thông tin lên mạng xã hội facebook tố cáo trung tâm S và giám đốc Vũ Thị H2 lừa đảo nhưng T đã xóa bài đăng và bị hại Vũ Thị H2 không yêu cầu giải quyết, do vậy Cơ quan CSĐT – Công an huyện G không xem xét xử lý.

Đối với vật chứng bị hại Vũ Thị H2 và người làm chứng Ngô Thị Hải H3 giao nộp là 02 USB bên trong chứa đoạn video sự việc xảy ra ngày 21/5/2024 tại trung tâm S lưu trữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 pro nắp lưng màu xanh đen thu giữ của bị can Trần Bảo T2; 01 điện thoại XiaoMi 11 thu giữ của bị can Đặng Hoàng H1; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 promax màu xanh đen thu giữ của bị can Nguyễn Hà T; 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi loại Note 11 màu đen thu giữ của bị can Lê Thị Ngọc L là tài sản cá nhân của các bị can không liên quan đến hành vi phạm tội, hiện chuyển Cơ quan thi hành án để phục vụ xét xử.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ đen, BKS: 30N4-3686 thu giữ của bị can Đặng Hoàng H1 là tài sản của H1, ngày 21/5/2024 H1 sử dụng xe để chở L đến trung tâm S, tuy nhiên không sử dụng phương tiện để thực

hiện hành vi cướp tài sản. Ngày 26/6/2024 Cơ quan CSĐT – Công an huyện G đã ra quyết định xử lý vật chứng, trao trả chiếc xe mô tô BKS: 30N4-3686 cho Đặng Hoàng H1.

Đối với 01 xe ô tô nhãn hiệu Vinfast VF8 màu cam, BKS: 30K-412.53 thu giữ của Trần Bảo T2 là phương tiện đứng tên đăng ký của Nguyễn Hà T. Phương tiện trên được T đăng ký thế chấp ngày 20/7/2023 tại ngân hàng TMCP T6. Ngày 21/5/2024 T2 có sử dụng xe để chở T và H đến trung tâm S, tuy nhiên không sử dụng phương tiện để thực hiện hành vi cướp tài sản. Ngày 26/6/2024 Cơ quan CSĐT – Công an huyện G đã ra quyết định xử lý vật chứng, trao trả chiếc xe ô tô BKS: 30K-412.53 cho Nguyễn Hà T.

Về dân sự: Các bị cáo Nguyễn Lê H, Nguyễn Hà T, Lê Thị Ngọc L, Trần Bảo T2, Đặng Hoàng H1 đã bồi thường thiệt hại cho bị hại Vũ Thị H2, chị H2 đã nhận tiền bồi thường không yêu cầu bồi thường gì khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 46/CT-VKSGL ngày 12 tháng 3 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm truy tố các bị cáo Nguyễn Hà T, Nguyễn Lê H, Lê Thị Ngọc L, Trần Bảo T2 và Đặng Hoàng H1 về tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa: Các bị cáo Nguyễn Hà T, Nguyễn Lê H, Lê Thị Ngọc L, Trần Bảo T2 và Đặng Hoàng H1 khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận đã có hành vi Cướp tài sản như bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố tại phiên tòa hôm nay và xác nhận hoàn toàn đúng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích vai trò, tính chất, mức độ và hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo với nội dung Cáo trạng truy tố.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng: khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Đề nghị: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hà T, Nguyễn Lê H, Lê Thị Ngọc L, Trần Bảo T2 và Đặng Hoàng H1 phạm tội “*Cướp tài sản*”.

Đề nghị:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Hà T mức án từ 32 tháng tù đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Lệ H mức án từ 32 tháng tù đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc L mức án từ 32 tháng tù đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Trần Bảo T2 mức án từ 26 tháng tù đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách từ 52 tháng đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo Đặng Hoàng H1 mức án từ 26 tháng tù đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách từ 52 tháng đến 60 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho chính quyền nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về dân sự: Người bị hại đã nhận tiền bồi thường từ các bị cáo và không có yêu cầu đề nghị gì nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Cho tịch thu lưu hồ sơ vụ án 02 (một) USB bên trong chứa 02 đoạn video sự việc xảy ra ngày 21/5/2024 tại Trung tâm S;

- Trả 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 Pro nắp lưng màu xanh đen cho bị cáo Trần Bảo T2; 01 điện thoại nhãn hiệu XiaoMi 11 cho bị cáo Đặng Hoàng H1; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 Promax màu xanh đen cho bị cáo Nguyễn Hà T; 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi loại Note 11 màu đen cho bị cáo Lê Thị Ngọc L.

Trong phần Tranh luận các bị cáo Nguyễn Hà T, Nguyễn Lệ H, Lê Thị Ngọc L, Trần Bảo T2 và Đặng Hoàng H1 không có ý kiến gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng: Các bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định

của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Hà T, Nguyễn Lê H, Lê Thị Ngọc L, Trần Bảo T2 và Đặng Hoàng H1 không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Hà T, Nguyễn Lê H, Lê Thị Ngọc L, Trần Bảo T2 và Đặng Hoàng H1 tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, vật chứng, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định: Khoảng 10 giờ 20 phút ngày 21/5/2024 tại Trung tâm S địa chỉ tại KĐT V, thuộc xã K, huyện G, Hà Nội, các bị cáo Nguyễn Hà T, Nguyễn Lê H, Lê Thị Ngọc L, Trần Bảo T2, Đặng Hoàng H1 đã có hành vi đe dọa, dùng tay túm tóc, đánh vào đầu, mặt chị Vũ Thị H2 gây thương tích để chiếm đoạt số tiền 38.300.000 đồng. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Hà T, Nguyễn Lê H, Lê Thị Ngọc L, Trần Bảo T2 và Đặng Hoàng H1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Điều 168 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Vì vậy, quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Ngoài ra hành vi của các bị cáo còn gây ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, do vậy cần phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn trong đó bị cáo Nguyễn Hà T là người khởi xướng cùng các bị cáo Nguyễn Lệ H, Lê Thị Ngọc L thực hành tích cực. Các bị cáo Trần Bảo T2 và Đặng Hoàng H1 có vai trò giúp sức nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với vai trò của từng bị cáo trong vụ án.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo đã cùng nhau bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đều có nhân thân tốt chưa tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nơi cư trú rõ ràng. Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự nên đủ điều kiện cho các bị cáo Nguyễn Hà T, Nguyễn Lệ H và Lê Thị Ngọc L ở mức đầu khung hình phạt và cho các bị cáo Trần Bảo T2 và Đặng Hoàng H1 hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng theo quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và cho các bị cáo có cơ hội sớm hòa nhập cộng đồng, làm ăn lương thiện.

Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có việc làm và thu nhập không ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận tiền bồi thường và không yêu cầu gì khác nên HĐXX không xem xét.

[6] Về vật chứng:

- Đối với 02 (một) USB bên trong chứa 02 đoạn video sự việc xảy ra ngày 21/5/2024 tại Trung tâm S là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo nên HĐXX căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 Pro nắp lưng màu xanh đen thu giữ của bị cáo Trần Bảo T2; 01 điện thoại nhãn hiệu XiaoMi 11 thu giữ của bị cáo Đặng Hoàng H1; 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 13 Promax màu xanh đen

thu giữ của bị cáo Nguyễn Hà T và 01 điện thoại nhãn hiệu Redmi loại Note 11 màu đen thu giữ của bị cáo Lê Thị Ngọc L; quá trình điều tra xác định là tài sản cá nhân của các bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên HĐXX căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho các bị cáo.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135; 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Các bị cáo; Bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65; Điều 47 Bộ luật hình sự; bị cáo T2 và bị cáo H1 áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 135; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Luật thi hành án hình sự năm 2019.

[1]. Về hình phạt:

[1.1]. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hà T **36**(Ba mươi sáu) tháng tù về tội “*Cướp tài sản*” nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách **60**(Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[1.2]. Xử phạt bị cáo Nguyễn Lệ H **36**(Ba mươi sáu) tháng tù về tội “*Cướp tài sản*” nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách **60**(Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[1.3]. Xử phạt bị cáo Lê Thị Ngọc L **36**(Ba mươi sáu) tháng tù về tội “*Cướp tài sản*” nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách **60**(Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[1.4]. Xử phạt bị cáo Trần Bảo T2 **27**(Hai mươi bảy) tháng tù về tội “*Cướp tài sản*” nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách **54**(Năm mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

[1.5]. Xử phạt bị cáo Đặng Hoàng H1 **27**(Hai mươi bảy) tháng tù về tội “*Cướp tài sản*” nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách **54**(Năm mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hà T, Nguyễn Lệ H, Lê Thị Ngọc L, Trần Bảo T2 và bị cáo Đặng Hoàng H1 cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở

lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

[4]. Về vật chứng:

- Tịch thu và lưu giữ trong hồ sơ vụ án 02 (một) USB bên trong chứa 02 đoạn video sự việc xảy ra ngày 21/5/2024 tại Trung tâm S là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo.

- Trả 01 (Một) điện thoại di động, kiểu dáng nhãn hiệu Iphone 13 Pro nắp lưng màu xanh, bên trong lắp sim (thuê bao 0964.052.989), đã cũ cho bị cáo Trần Bảo T2;

- Trả 01 (Một) điện thoại di động, kiểu dáng nhãn hiệu XiaoMi 11, màu đen, bên trong lắp 01 sim (thuê bao 0382.942.943), đã cũ cho bị cáo Đặng Hoàng H1;

- Trả 01 (Một) điện thoại di động, kiểu dáng nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max, màu xanh, bên trong lắp 01 sim (thuê bao 0986.682.795), đã cũ cho bị cáo Nguyễn Hà T;

- Trả 01 (Một) điện thoại di động, kiểu dáng nhãn hiệu Redmi loại Note 11, màu đen, bên trong lắp 01 sim (thuê bao 0906.700.630), đã cũ cho bị cáo Lê Thị Ngọc L.

(Biên bản giao vật chứng, tài sản ngày 25 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội).

[5]. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[6]. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Gia Lâm;
- Công an huyện G;
- Thi hành án dân sự H. G;
- Sở tư pháp Hà Nội;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Đ, huyện G, TP Hà Nội;
- Lưu: HS; THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cồ Khắc Đàm